|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NQ-HĐND | *Bắc Giang, ngày tháng năm 2023* |

**Dự thảo lần 2**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**KHÓA ……, KỲ HỌP THỨ ......**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 năm 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Xét Tờ trình số ……/TTr-UBND ngày .. tháng ….. năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về dự thảo Nghị quyết Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Hộ gia đình, cá nhân (hộ đơn thân) được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đang sinh sống trong vùng thiên tai (có nguy cơ mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, đá, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng), vùng đặc biệt khó khăn (thiếu đất, nước để sản xuất, du cư trên các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường).

b) Các hộ dân thuộc dự án Sắp xếp và ổn định dân cư vùng sạt lở xã Thắng Cương, huyện Yên Dũng (giai đoạn 2); các hộ dân nằm trong vùng đặc biệt khó khăn thuộc xã Vân Hà huyện Việt Yên; các hộ dân trong vùng có nguy cơ xảy ra lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng trên địa bàn huyện Lục Ngạn.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi tiếp nhận di dân) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ bố trí dân cư.

3. Không bao gồm phạm vi và đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Bố trí dân cư phải gắn với đất sản xuất, phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy hoạch khác trên địa bàn. Ưu tiên bố trí ổn định dân cư để khắc phục, phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, đá, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng), trong đó các hộ mất nhà ở, chỗ ở và các hộ có nguy cơ cao hơn được ưu tiên thực hiện trước.

2. Sắp xếp, ổn định dân cư phải trên cơ sở nguyện vọng và sự đồng thuận của người dân, cộng đồng dân cư, phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo điều kiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái.

3. Thực hiện bố trí dân cư xen ghép là chủ yếu, kết hợp với di dân tập trung. Phạm vi bố trí dân cư chủ yếu trên địa bàn cấp xã, huyện; Trường hợp bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, phải có sự thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dân đi và nơi dân đến.

4. Mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần.

5. Trong cùng một thời điểm nếu có nhiều chính sách hỗ trợ từ nhà nước với cùng nội dung và đối tượng hỗ trợ thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

**Điều 4. Điều kiện hỗ trợ**

1. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển nhà đến nơi ở mới theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ khi có 01 (một) nhà ở duy nhất tại khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai, đặc biệt khó khăn mà không có nhà ở tại khu vực an toàn khác.

**Điều 5. Nội dung, phương thức và mức hỗ trợ**

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân là 30 triệu đồng/hộ, bao gồm: Di chuyển người và tài sản, khai hoang, nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung). Việc hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ủy quyền bằng văn bản thay mặt hộ gia đình nhận hỗ trợ). Cơ quan được giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện lập bảng kê hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ; số tiền hỗ trợ.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép (cấp xã) là 60 triệu đồng/hộ, để thực hiện các nội dung: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất); Xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng (các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới theo thứ tự ưu tiên, có sự tham gia của cộng đồng người dân sở tại). Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình bố trí dân cư tại địa phương.

3. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững trực tiếp cho người lao động thuộc hộ gia đình được bố trí đến vùng dự án bố trí ổn định dân cư:

a) Hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác trong trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, thì hộ không có đất được hỗ trợ 01 (một) lần chuyển đổi nghề.

b) Trường hợp hộ dân không có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc thì được hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 01/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định danh mục nghề và mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 6. Nguồn kinh phí**

Nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**Điều 7.** **Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa …., kỳ họp thứ .... thông qua ngày .... tháng .... năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Văn phòng Quốc hội;- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- Thường trực Tỉnh ủy;- Đoàn ĐBQH tỉnh**;** Đại biểu HĐND tỉnh;- UBND tỉnh; UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể; Các sở, ban, ngành;- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;- Đài PT-TH tỉnh; Báo Bắc Giang;- Lưu: VT, NNPTNT (3). | **CHỦ TỊCH****Lê Thị Thu Hồng** |